

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 302/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1996. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T** – Sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Bùi Thị Th** trình bày: Chị và anh **Trần Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện K (nay là phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương) ngày 21/7/2016. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình anh T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc nhưng sau này anh T không tu chí làm ăn, chơi bời nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 6 năm 2022 anh T đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc nên tình cảm ngày một lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ anh T) thể hiện: Anh T hiện đang sinh sống tại Đài Loan-Trung Quốc, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Gia đình bà C cũng thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại và đã thông báo cho anh T biết việc chị C có đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết. Anh T không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án cũng như địa chỉ của anh ở nước ngoài. Tuy nhiên thông qua liên lạc điện thoại với gia đình, anh T có quan điểm muốn đoàn tụ nhưng nếu chị Th vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung; tài sản chung và nợ chung không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Th, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Th và anh T kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Thời gian đầu chị Th đi nước ngoài còn anh T ở nhà làm ăn. Sau đó anh T đi nước ngoài, địa phương nắm được anh chị mâu thuẫn do không có con cái, vợ chồng xa nhau nhiều năm nên tình cảm ngày một lạnh nhạt. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa anh Trần Văn T vắng mặt. Chị Bùi Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS. Bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T; Về con chung, tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Th sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt

khác, gia đình bà C vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh T biết việc chị Th đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh T biết. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai, chị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện K (nay là phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương) vào ngày 21/7/2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Từ khi anh T đi nước ngoài đến nay, vợ chồng cũng không liên lạc, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Thông qua gia đình, anh T biết việc chị Th có đơn xin ly hôn nhưng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi cho Tòa án. Tuy nhiên anh T liên lạc với gia đình qua điện thoại và có quan điểm xác định chị Th cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Th ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị Th** ly hôn anh **Trần Văn T**.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001724 ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân